

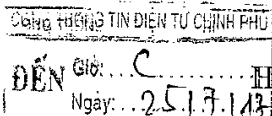
**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 36/2017/NQ-HĐND

Trà Vinh, ngày 13 tháng 7 năm 2017

NGHỊ QUYẾT
Quy định về phí thư viện trên địa bàn tỉnh Trà Vinh



HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH
KHÓA IX - KỲ HỌP THỨ 4

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25/11/2015;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Xét Tờ trình số 2187/TTr-UBND ngày 15/6/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh quy định về phí thư viện trên địa bàn tỉnh Trà Vinh; báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định về phí thư viện trên địa bàn tỉnh Trà Vinh, cụ thể như sau:

1. Đối tượng thu

Cá nhân khi có nhu cầu sử dụng tài liệu thư viện phải làm thẻ bạn đọc và nộp phí thư viện theo quy định.

2. Mức thu

STT	ĐƠN VỊ THU PHÍ	ĐVT	MỨC THU
01	Thư viện tỉnh		
	- Thẻ bạn đọc tài liệu người lớn (từ 16 tuổi trở lên)	đồng/thẻ/năm	20.000
	- Thẻ bạn đọc tài liệu (thiếu nhi)	đồng/thẻ/năm	7.000
02	Thư viện huyện, thị xã		
	- Thẻ bạn đọc tài liệu người lớn (từ 16 tuổi trở lên)	đồng/thẻ/năm	10.000
	- Thẻ bạn đọc tài liệu (thiếu nhi)	đồng/thẻ/năm	5.000

3. Các đối tượng được giảm, miễn như sau.

a) Giảm 50% mức phí thu viện đối với các trường hợp sau:

- Các đối tượng được hưởng chính sách ưu đãi hưởng thụ văn hoá quy định tại Điều 2 Quyết định số 170/2003/QĐ-TTg ngày 14/8/2003 của Thủ tướng Chính phủ về “Chính sách ưu đãi hưởng thụ văn hoá”. Trường hợp khó xác định là đối tượng được hưởng chính sách ưu đãi hưởng thụ văn hoá theo quy định tại Điều 2 Quyết định số 170/2003/QĐ-TTg thì chỉ cần xác nhận của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi đối tượng cư trú;

- Người khuyết tật nặng theo quy định tại Khoản 2 Điều 11 Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10/4/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật người khuyết tật.

b) Miễn phí thu viện đối với người khuyết tật đặc biệt nặng theo quy định tại Khoản 1 Điều 11 Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật người khuyết tật.

4. Quản lý và sử dụng phí thu được

- Đơn vị thu phí được trích để lại 90% trên tổng số tiền phí thu được để phục vụ cho hoạt động thu phí.

- Đơn vị thu phí sau khi trích để lại, số tiền còn lại phải nộp toàn bộ vào ngân sách nhà nước; thực hiện việc kê khai tiền thu phí theo tháng, quyết toán năm theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

Điều 2. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 07/2015/NQ-HĐND ngày 17/7/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa VIII - kỳ họp thứ 18 phê duyệt mức thu, quản lý và sử dụng phí thu viện trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

Điều 3. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện; Ban Kinh tế - Ngân sách và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh khoá IX - kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 13/7/2017 và có hiệu lực kể từ ngày 24/7/2017. *lgt*

Nơi nhận:

- UBND tỉnh, Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, VHTT&DL, Tư pháp;
- TT.TU, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở: Tài chính, Tư pháp, VH, TT và DL, Cục thuế tỉnh, Cục thống kê tỉnh;
- TT. HĐND, UBND cấp huyện;
- Văn phòng: HĐND, UBND tỉnh;
- Báo TV, Đài PT-TH tỉnh;
- Trung tâm TH-CB tỉnh;
- Website Chính phủ;
- Lưu: VT, TH.

CHỦ TỊCH



Trần Trí Dũng